BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Gia Lai – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo	: **Đại học**
Ngành đào tạo	: Giáo dục thể chất
Tên tiếng Anh	: Physical education
Mã ngành	: 7140206
Hình thức đào tạo	: Chính quy

Gia Lai, 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2178/QĐ-ĐHQN ngày 1 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Giáo dục thể chất Mã ngành: 7140206
Tên tiếng Anh: Physical Education
Hình thức đào tạo: Chính quy

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục thể chất (GDTC) với trình độ Đại học có khối lượng kiến thức toàn khóa là 138 tín chỉ (chưa kể các môn điều kiện GDQP-AN), thời gian đào tạo là 4 năm. Chương trình được xây dựng với các học phần của Khối kiến thức giáo dục đại cương và Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp nhằm giúp cho người học có năng lực thực hành nghề nghiệp tương ứng với trình độ đào tạo, có đủ kiến thức và khả năng tiếp tục theo học các chương trình đào tạo sau đại học và phát triển nghiên cứu khoa học.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình (Tiếng Việt)	Giáo dục thể chất
2. Mã ngành đào tạo	7140206
3. Trường cấp bằng	Trường Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Cử nhân
5. Trình độ đào tạo	Đại học
6. Số tín chỉ yêu cầu	138
7. Khoa quản lý	Giáo dục thể chất
8. Hình thức đào tạo	Chính quy
9. Thời gian học tập chuẩn toàn khóa	4 năm
10. Đối tượng tuyển sinh	Quy chế tuyển sinh hiện hành của Trường Đại

	học Quy Nhơn
11. Thang điểm đánh giá	10
12. Điều kiện tốt nghiệp	- Đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. - Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của CTĐT - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.00 trở lên - Hoàn thành và có chứng chỉ GDQP-AN - Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ và CNTT theo quy định của Nhà trường
13. Vị trí việc làm	Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng làm công tác giảng dạy môn học Giáo dục thể chất ở các bậc học thuộc hệ thống Giáo dục quốc dân; tham gia làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước hoặc cơ quan quản lý xã hội về TDTT; hoặc tổ chức hướng dẫn hoạt động thể dục thể thao cho mọi người tại các đơn vị TDTT cơ sở, các câu lạc bộ TDTT…
14. Học tập nâng cao trình độ	Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) thuộc đúng chuyên ngành hoặc học chuyển đổi một số học phần để học chuyên ngành khác thuộc khối ngành thể dục thể thao tại các trường.
15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	- Khung trình độ quốc gia Việt Nam, Ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016. - Chương trình đào tạo cử nhân GDTC - Trường đại học TDTT Bắc Ninh. - Chương trình đào tạo ngành GDTC - Trường Đại học TDTT Đà Nẵng. - Chương trình đào tạo cử nhân GDTC - Trường

	đại học TDTT TP.HCM. - Chương trình đào tạo cử nhân GDTC - Trường đại học Sư Phạm TDTT TP.HCM. - Chương trình đào tạo cử nhân GDTC - Trường đại học Sư Phạm TDTT Hà Nội.
16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	Tháng 7/2025

1.3. Sứ mệnh – Tầm nhìn – Triết lý giáo dục

Trường Đại học Quy Nhơn đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, theo Quyết định số 120/QĐCEA.UD ngày 12/10/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD – Đại học Đà Nẵng.

1.3.1. Sứ mệnh Tầm nhìn của Trường Đại học Quy Nhơn

Theo Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13 tháng 02 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn.

Sứ mệnh

"Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội."

Tầm nhìn

"Đến năm 2030, Trường Đại học Quy Nhơn sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế."

Giá trị cốt lõi

Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn.

1.3.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

Theo Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Quy Nhơn.

1. Phát biểu Triết lý giáo dục

Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp

2. Ý nghĩa của Triết lý giáo dục

- Toàn diện:

Nhà trường hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nên tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội.

- Khai phóng:

Nhà trường hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội.

- Thực nghiệp:

Nhà trường hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Triết lý giáo dục của trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo ngành GDTC

Chương trình đào tạo ngành GDTC			**Triết lý giáo dục của DQN**		
			Toàn diện	**Khai phóng**	**Thực nghiệp**
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	Các học phần khoa học chính trị, pháp luật	x		
		Các học phần giáo dục, Ngoại ngữ, Tin học		x	
	Khối kiến thức cơ sở ngành	Các học phần lý thuyết (sinh lý TDTT, y học, vệ sinh học…)	x	x	
		Các học phần thực hành: các môn thể thao bóng đá, bóng rổ, bóng chuyền….	x	x	x
	Khối kiến thức chuyên	Các học phần lý thuyết lý luận giáo dục thể chất,	x	x	x

	ngành	Các học phần thực hành các môn thể thao bóng đá, bóng rổ, bóng chuyền.... rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.	x	x	x
		Các học phần thực tập, thực tế	x	x	x
	Khóa luận/đồ án tốt nghiệp		x	x	x
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên		x	x	x
	Thi hùng biện, thiết kế mô hình, ý tưởng, ...			x	x
	Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh)		x		x
	Hiến máu nhân đạo			x	
	Hoạt động vì người nghèo			x	
	.....				
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	PLO1	Vận dụng các kiến thức cơ bản để xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình môn giáo dục thể chất tại các cơ sở giáo dục	x	x	x
	PLO2	Vận dụng các kiến thức liên quan để tổ chức các hoạt động thể dục thể thao	x	x	x
	PLO3	PLO3: Vận dụng kỹ năng số và các kỹ năng liên quan để đánh giá và cải thiện, đổi mới sáng tạo hiệu quả các hoạt động chuyên môn	x	x	x
	PLO4	Thực hiện khả năng tự chủ, tự học, tự nghiên cứu và tinh thần trách nhiệm cá nhân cùng khả năng hợp tác hiệu quả trong môi trường học tập và làm việc.	x	x	x
	PLO5	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của người giáo viên và hoạt động phục vụ cộng đồng góp phần phát triển con người toàn diện	x	x	x

1.3.3. Sứ mệnh – Tầm nhìn của Khoa

1. Sứ mệnh

Khoa Giáo dục thể chất là đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học có uy tín, chất lượng trong lĩnh vực giáo dục thể chất, thể dục thể thao; là đơn vị tổ chức giảng dạy và tham mưu xây dựng chiến lược đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác, phối hợp với các tổ chức và cá

nhân trong các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng về lĩnh vực giáo dục thể chất và thể dục thể thao.

2. Tầm nhìn

Đến năm 2030, Khoa Giáo dục thể chất trở thành một khoa có vị thế trong cả nước về quy mô, chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học trong công tác đào tạo giáo viên có trình độ cử nhân và thạc sĩ, cung cấp nguồn nhân lực cho khu vực Nam Trung bộ, Tây Nguyên và trên cả nước.

3. Giá trị cốt lõi

Trách nhiệm – Chuyên nghiệp – Chất lượng – Sáng tạo – Nhân văn.

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Giáo dục thể chất (GDTC) trình độ đại học, phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có kiến thức vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ Giáo dục thể chất và khoa học giáo dục; có kỹ năng sư phạm giảng dạy, huấn luyện và tổ chức các hoạt động Thể dục thể thao (TDTT) trong trường học; có chí hướng, có khả năng tự học, tự nghiên cứu; có ý thức phục vụ cộng đồng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo người học:

+ PO1: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - xã hội, khoa học chính trị và pháp luật; có kiến thức, kỹ năng chuyên môn và thực tiễn nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục thể chất và thể dục thể thao trong môi trường hội nhập.

+ PO2: Có tư duy phản biện, chủ động hợp tác và giải quyết các vấn đề về giáo dục của nhà trường, địa phương, quốc gia và khu vực.

+ PO3: Có kỹ năng đổi mới sáng tạo, tư duy khởi nghiệp và năng lực số; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, không ngừng rèn luyện năng lực nghề nghiệp thích nghi với môi trường làm việc thay đổi và có ý thức học tập suốt đời.

+ PO4: Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức trách nhiệm công dân, ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm trong công việc, cộng đồng và xã hội.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu: PLOs)

PLO1: Vận dụng các kiến thức cơ bản để xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình môn giáo dục thể	PI 1.1: Xác định được các kiến thức liên quan trong lĩnh vực GDTC
	PI 1.2: Áp dụng các kiến thức liên quan để xây dựng,

chất tại các cơ sở giáo dục	tổ chức thực hiện chương trình môn giáo dục thể chất tại các cơ sở giáo dục
PLO2: Vận dụng các kiến thức liên quan để tổ chức các hoạt động thể dục thể thao	PI 2.1: Xác định được các kiến thức liên quan trong lĩnh vực thể dục thể thao
	PI 2.2: Vận dụng các kiến thức liên quan để tổ chức các hoạt động thể dục thể thao
PLO3: Vận dụng kỹ năng số và các kỹ năng liên quan để đánh giá và cải thiện, đổi mới sáng tạo hiệu quả các hoạt động chuyên môn	PI 3.1: Xác định các kỹ năng để đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn
	PI 3.2: Vận dụng các kỹ năng để đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn
PLO4: Thực hiện khả năng tự chủ, tự học, tự nghiên cứu và tinh thần trách nhiệm cá nhân cùng khả năng hợp tác hiệu quả trong môi trường học tập và làm việc.	PI 4.1: Thực hiện khả năng tự chủ, tự học, tự nghiên cứu và tinh thần trách nhiệm cá nhân để chủ động tiếp cận kiến thức, phát triển tư duy độc lập và xây dựng phương pháp học tập hiệu quả.
	PI 4.2: Thực hiện khả năng hợp tác nhằm nâng cao chất lượng học tập, phát triển toàn diện cho người học và xây dựng môi trường giáo dục phản ánh văn hóa đặc trưng của nhà trường.
PLO5: Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của người giáo viên và hoạt động phục vụ cộng đồng góp phần phát triển con người toàn diện.	PI 5.1: Xác định những vấn đề đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của người giáo viên và ý thức phục vụ cộng đồng.
	PI 5.2: Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng nhằm định hướng nhân cách người học, xây dựng môi trường học tập tích cực, góp phần phát triển con người toàn diện.

Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu (POs)	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
	PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2
PO1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO2	x	x	x	x			x	x	x	x
PO3	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO4	x	x	x	x			x	x	x	x

1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá

1.6.1. Phương pháp giảng dạy

TT	Chiến lược dạy học	Các phương pháp dạy học
1	**Dạy học trực tiếp:** Dạy học trực tiếp là quá trình giáo viên trực tiếp truyền đạt kiến thức và thông tin cơ bản cho người học, trong đó giáo viên đóng vai trò chủ động kiểm soát, hướng dẫn và triển khai các hoạt động giảng dạy. Qua việc trình bày, giải thích và hướng dẫn chi tiết, giáo viên giúp người học tiếp cận và hiểu rõ nội dung bài học. Phương pháp này hiệu quả trong việc cung cấp kiến thức hệ thống, hướng dẫn các kỹ năng mới và tạo nền tảng vững chắc cho người học để áp dụng vào công tác chuyên môn, từ đó phát triển các kỹ năng thực tiễn.	- Thuyết giảng/ Diễn giảng/ Thuyết trình - Giải thích, minh họa - Đàm thoại (Hỏi đáp) - Nêu vấn đề - Phương pháp mô phỏng - Hướng dẫn thực hành (Làm mẫu)
2	**Dạy học gián tiếp:** Dạy học gián tiếp là chiến lược giảng dạy, trong đó giảng viên tạo ra môi trường học tập để người học chủ động tiếp cận kiến thức mà không cần sự can thiệp trực tiếp. Phương pháp này khuyến khích người học tham gia tích cực vào quá trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề một cách độc lập. Thay vì giảng viên truyền đạt trực tiếp kiến thức, người học tự mình khám phá, nghiên cứu và áp dụng những kiến thức đã học. Phương pháp này không chỉ giúp phát triển năng lực tự học và tự nghiên cứu, mà còn nâng cao ý thức và trách	- Học tập dựa trên tình huống - Học tập dựa trên vấn đề - Câu hỏi gợi mở - Dạy học trực tuyến - Bài tập - Thảo luận - Tranh luận - Dự án

	nhiệm cá nhân của người học trong việc học tập và phát triển nghề nghiệp.	
3	**Học tập trải nghiệm:** Học tập trải nghiệm gồm bốn chu trình: *Trải nghiệm cụ thể*, trong đó người học tham gia vào các hoạt động thực tiễn như thảo luận nhóm, thực hành thí nghiệm hay đi thực tế; *Chiêm nghiệm*, khi người học suy ngẫm và phân tích các kết quả, hành vi, cảm xúc từ trải nghiệm; *Hình thành khái niệm*, khi người học rút ra bài học, lý thuyết từ quá trình chiêm nghiệm; và *Thử nghiệm tích cực*, khi người học áp dụng kiến thức vào tình huống mới để kiểm nghiệm và điều chỉnh. Phương pháp này không chỉ giúp phát triển kiến thức và kỹ năng mà còn nâng cao thái độ của người học.	- Học tập trải nghiệm - Thực tập - Thực tế - Mô phỏng - Thực hành - Thảo luận - Dự án
4	**Dạy học tương tác:** Dạy học tương tác là chiến lược giảng dạy trong đó người học không chỉ tiếp nhận kiến thức từ giảng viên mà còn tham gia tích cực vào các hoạt động thảo luận, đối thoại và hợp tác với bạn bè và giảng viên. Giảng viên tổ chức và điều phối quá trình học, tạo cơ hội cho người học tương tác và phản hồi liên tục. Phương pháp này giúp phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác, tư duy phản biện, và giải quyết vấn đề, đồng thời nâng cao sự tự tin và chủ động của người học.	- Bài giảng tương tác - Bài tập nhóm - Thảo luận - Tranh luận/ Tranh biện - Thực hành - Thực tập - Thực tế - Dự án
5	**Tự học:** Tự học là một chiến lược học tập trong đó người học tự chủ trong việc xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch và kiểm soát quá trình học tập của mình, với sự hỗ trợ tối thiểu từ giảng viên. Người học chủ động tìm kiếm nguồn tài liệu, thực hiện các nhiệm vụ học tập thông qua bài tập, dự án hoặc vấn đề mà giảng viên đề xuất. Phương pháp này không chỉ giúp phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu mà còn thúc đẩy khả năng tự chủ, trách nhiệm cá nhân và khả năng giải quyết vấn đề độc lập của người học.	- Học tập trực tuyến - Bài tập ở nhà - Học tập tự định hướng - Thực hành - Thực tập - Thực tế - Dự án

1.6.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập theo Quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn và đánh giá theo chuẩn đầu ra.

1.6.2.1.Đánh giá và tính điểm học phần

<table>
<tr><th colspan="4">Đánh giá và tính điểm học phần</th></tr>
<tr><td rowspan="2">1. Đối với các học phần lý thuyết hoặc lý thuyết và thực hành</td><td rowspan="2">Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) gồm hai thành phần điểm đánh giá quá trình học tập và điểm thi kết thúc học phần</td><td>Điểm đánh giá quá trình học tập: Có trọng số 30%, 40% hoặc 50% điểm học phần.</td><td rowspan="2">Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần</td></tr>
<tr><td>Điểm thi kết thúc học phần: Có trọng số 70%, 60% hoặc 50% điểm học phần.</td></tr>
<tr><td>2. Đối với các học phần chỉ có thí nghiệm, thực hành</td><td colspan="3">Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</td></tr>
<tr><td>3. Đối với học phần đặc thù như thực tập, thực tế, đề án môn học, đồ án môn học</td><td colspan="3">Khoa quản lý học phần đề xuất việc đánh giá học phần, Hiệu trưởng quyết định.</td></tr>
<tr><td>4. Đánh giá đồ án tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp</td><td colspan="2">- Đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp được thực hiện bởi hội đồng do Hiệu trưởng quyết định thành lập.
- Số thành viên của hội đồng gồm 03 người: Chủ tịch, ủy viên phản biện và thư ký (người hướng dẫn không tham gia hội đồng). Hội đồng tổ chức bảo vệ và đánh giá</td><td>Điểm đánh giá khóa luận, đồ án tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm thành phần của các thành viên hội đồng và người hướng dẫn ([Điểm người hướng dẫn + Điểm các thành viên hội đồng (3 cột điểm)]/4).
Điểm thành phần được chấm theo thang điểm 10 lấy đến một chữ số thập phân, điểm đánh giá khóa</td></tr>
</table>

	đồ án, khóa luận tốt nghiệp khi có đầy đủ các thành viên.	luận, đồ án tốt nghiệp tính theo thang điểm 10 làm tròn lấy một chữ số thập phân và được quy đổi theo thang điểm chữ

Thang điểm được sử dụng

Thang điểm đánh giá	Thang điểm 10: Gồm các số từ 0 đến 10 (với một số lẻ thập phân) được sử dụng để đánh giá và ghi điểm đánh giá quá trình, điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần.
	Thang điểm chữ: Dùng để xếp loại học phần theo một cách khác tương ứng với điểm học phần trong thang điểm 10
	Thang điểm 4: Dùng để tính điểm trung bình chung học kỳ, trung bình chung tích lũy, để đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ, giai đoạn và xếp loại tốt nghiệp.

Quy tắc quy đổi giữa các thang điểm

Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Kết quả
9 - 10	A+	4	Đạt
8 - 8,9	A	3,5	
7 - 7,9	B+	3	
6 - 6,9	B	2,5	
5 - 5,9	C	2	
4 - 4,9	D	1,5	
0 - 3,9	F	0	Không đạt

1.6.2.2. Các phương pháp đánh giá

Các phương pháp đánh giá	
Phương pháp quan sát	Đánh giá sự chuyên cần và thái độ học tập của người học bao gồm việc kiểm tra ý thức học tập, tính độc lập và sáng tạo của người học, như điểm danh sự có mặt, thái độ chuẩn bị bài, tham gia thảo luận và đóng góp vào xây dựng bài học trên lớp.
Đánh giá bài tập	Đánh giá mức độ hoàn thành của người học đối với các bài tập được giảng viên giao liên quan đến bài học ở trong và sau giờ lên lớp. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và cho điểm trên cơ sở những tiêu chí đã được thông báo từ trước.

Đánh giá thuyết trình	Người học được yêu cầu làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm và thuyết trình kết quả trước các người học khác. Hoạt động này ngoài đánh giá mức độ đạt được của người học về những kiến thức chuyên biệt còn đánh giá được mức độ phát triển các kĩ năng như giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm.
Nhóm phương pháp kiểm tra viết	Phương pháp kiểm tra viết gồm bài kiểm tra dạng tự luận và kiểm tra viết dạng trắc nghiệm khách quan hoặc kết hợp.
Đánh giá thực hành	Người học được đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ thực hiện đúng các thao tác, quy trình, kết quả và báo cáo thực hành.
Đánh giá vấn đáp	Người học được đánh giá thông qua các cuộc phỏng vấn, câu hỏi và câu trả lời trực tiếp. Phương pháp này được sử dụng trong một số học phần để đánh giá năng lực tổng thể của người học bao gồm kiến thức và kĩ năng giao tiếp, thuyết trình.
Đánh giá làm việc nhóm	Được sử dụng khi thực hiện các hoạt động dạy học theo nhóm nhằm đánh giá kĩ năng làm việc nhóm của người học.
Đánh giá tiểu luận/ bài tập lớn	Người học được đánh giá thông qua viết báo cáo về một vấn đề của một môn học hay một vấn đề thực tiễn nhằm rút ra những kết luận, những đóng góp ý kiến, những đề xuất giải pháp để có thể thực hiện hay cải tiến được vấn đề đã nêu ra. Đánh giá tiểu luận bao gồm đánh giá về cấu trúc, nội dung, kết luận và hình thức trình bày.
Đánh giá sản phẩm dự án học tập	Thông qua các sản phẩm của người học đã thực hiện được, giảng viên đánh giá mức độ xây dựng, sáng tạo và tính hiệu quả của sản phẩm hoàn thành. Các tiêu chí và tiêu chuẩn để đánh giá sản phẩm là rất đa dạng. Đánh giá sản phẩm được dựa trên ngữ cảnh cụ thể của hiện thực.

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
	PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2
Phương pháp quan sát		X		X		X		X		X
Đánh giá bài tập	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Đánh giá thuyết trình	X		X		X		X		X	
Nhóm phương pháp kiểm tra viết	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Đánh giá thực hành		X		X		X				
Đánh giá vấn đáp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Đánh giá làm việc nhóm		X		X		X		X		X
Đánh giá tiểu luận/ bài tập lớn	X	X	X	X	X	X				
Đánh giá sản phẩm dự án học tập		X		X		X		X		X

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Cấu trúc chương trình	Số tín chỉ
Khối kiến thức giáo dục đại cương	24
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	114
- Kiến thức khối ngành và cơ sở ngành	38
- Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)	57
- Thực tập nghề nghiệp	13
- Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6
Tổng	138

- Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 14 học phần:

Khối kiến thức giáo dục đại cương trang bị cho người học những kiến thức căn bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, giáo dục quốc phòng - an ninh, ngoại ngữ. Nhằm giúp người học hiểu rõ về thể chế chính trị của Việt Nam, nắm vững đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, cũng như có những kiến thức căn bản về nền quốc phòng - an ninh của quốc gia. Từ đó, giúp người học nâng cao lý luận chính trị, có phẩm chất đạo đức, có ý thức tuân thủ pháp luật, hiểu và thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 38 học phần:

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp giúp người học có nền tảng kiến thức cơ bản về TDTT để có thể tự học tập và phát triển nghề nghiệp suốt đời.

Ngoài ra, khối kiến thức chuyên ngành trang bị những kiến thức cơ bản về ngành học, mục tiêu, những yêu cầu nghề nghiệp. Nắm vững kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Khả năng áp dụng các kiến thức khoa học để làm việc trong ngành thể thao nói chung và ngành giáo dục thể chất nói riêng. Nắm vững hệ thống kiến thức chuyên ngành, thành thạo kỹ - chiến thuật và phương pháp tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài ở một số môn Thể thao phổ biến trong phong trào thể thao quần chúng, cũng như nắm vững kiến thức cơ bản và kỹ năng vận động cần thiết ở một số môn thể thao trong nhà trường học phổ thông, các phương pháp, thủ thuật giảng dạy đặc thù của môn học thể dục thể thao nhằm phát huy tính tích cực, phát triển tư duy và rèn luyện phát triển các tố chất thể lực của học sinh qua đó phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao.

2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khối kiến thức		Số TC	Tỉ lệ	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
				PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2
1	***Khối kiến thức giáo dục đại cương***	**24**	**17.39%**										
1.1.	Khoa học chính trị và pháp luật	13	9.42%	Y,M		Y,M				Y,M		Y,M	
1.2.	Ngoại ngữ	7	5.07%	X,M		X,M		X,M					
1.3.	Kiến thức bổ trợ	4	2.9%		X,M		X,M			X,M		X,M	
2	***Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp***	**114**	**82.60%**										
2.1.	Khối kiến thức cơ sở ngành	38	27.54%	X,H		X,H		X,M	X,M	X,M		X,M	
2.2.	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	57	41.30%		X,H		X,H				X,H		X,H

2.3.	Thực tập nghề nghiệp	13	9.42%		X,H		X,H		X,H		X,H		X,H
2.4.	Khóa luận tốt nghiệp/học phần thay thế KLTN	6	4.35%	X,H		X,H		X,H	X,H	X,H		X,H	

X: tham gia trực tiếp, Y: tham gia gián tiếp; L, M, H: mức độ đóng góp đối với PLO.

2.3. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN / TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					LT	BT	TL					
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương				**24 (không bao gồm Giáo dục Quốc phòng – An ninh)**								
I.1. Khoa học chính trị và pháp luật				**13**								
1	1130299	Triết học Mác Lênin	1	3	40		10				LLCT-L&QLNN	
2	1130300	Kinh tế chính trị Mác– Lê nin	2	2	27		6			1130299	LLCT-L&QLNN	
3	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	27		6			1130300	LLCT-L&QLNN	
4	1130302	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	4	2	27		6			1130299 1130300 1130301	LLCT-L&QLNN	
5	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	27		6			1130302	LLCT-L&QLNN	
6	1130049	Pháp luật đại cương	2	2	27		6				LLCT-L&QLNN	
I .2. Giáo dục quốc phòng-An ninh												
7	115001	*Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1 (*)*	5	3	37		8				TT.GDQP	
8	115002	*Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2(*)*	5	2	22		8				TT.GDQP	
9	115003	*Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3(*)*	5	2	14			16			TT.GDQP	
10	115004	*Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4(*)*	5	2	4			56			TT.GDQP	
I.3. Ngoại ngữ				**7**								
11	1090061	Tiếng Anh 1	1	3	30	15					NN	
12	1090166	Tiếng Anh 2	2	4	40	20				1090061	NN	
I.4. Kiến thức bổ trợ				**4**								
13	2030003	Kỹ năng giao tiếp	2	2	20	5	0	10			KHXH	
14	1150422	Khởi nghiệp	5	2	20	5	10			1130299 1130300	TC-NH &QTKD	
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp												
II.1. Kiến thức cơ sở ngành				**38**								
15	1050242	Tin học cơ sở	2	3	30			30			CNTT	
16	1040227	Giải phẫu và sinh lý người	1	3	43		4				KHTN	
17	1120125	Sinh lý thể dục thể thao	3	4	60					1120227	GDTC	

18	1120070	Vệ sinh thể dục thể thao	1	2	30						GDTC	
19	1120242	Đo lường thể dục thể thao	3	3	20	20	10				GDTC	
20	1120243	Y học thể dục thể thao	4	3	42	3				1120125	GDTC	
21	1120244	Lịch sử thể dục thể thao và lịch sử Olympic	5	2	25	5					GDTC	
22	1120052	Quản lý thể dục thể thao	7	2	30						GDTC	
23	1120245	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất 1	2	3	45						GDTC	
24	1120246	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất 2	3	3	45					1120245	GDTC	
25	1120135	Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao	6	3	15	10	20	20		1120246 1120242	GDTC	
26	1100086	Tâm lý học	4	3	30	10	10				KHXH	
27	2030410	Giáo dục học	5	4	36	20		8		1100086	KHXH	
II.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành				**57**								
II.2.1. Kiến thức ngành				**45**								
II.2.1a. Phần bắt buộc				**36**								
28	1120247	Điền kinh và phương pháp giảng dạy	1	4	15			45			GDTC	
29	1120248	Thể dục và phương pháp giảng dạy	1	4	15			45			GDTC	
30	1120233	Bóng chuyền và phương pháp giảng dạy	6	4	15			45			GDTC	
31	1120232	Bóng đá và phương pháp giảng dạy	3	4	15			45			GDTC	
32	1120131	Bóng rổ và phương pháp giảng dạy	6	4	15			45			GDTC	
33	1120230	Cầu lông và phương pháp giảng dạy	3	4	15			45			GDTC	
34	1120229	Bơi và phương pháp giảng dạy	4	4	15			45			GDTC	
35	1120249	Trò chơi vận động và phương pháp giảng dạy	2	4	12	3	0	45			GDTC	
36	1120250	Bóng ném và phương pháp giảng dạy	7	4	15			45			GDTC	
II.2.1.b. Phần tự chọn				9								
37	1120252	Võ Karatedo và phương pháp giảng dạy	7	3	4			41			GDTC	
	1120200	Võ cổ truyền Việt Nam và phương pháp giảng dạy	7	3	15			30			GDTC	
	1120251	Võ Taekwondo và phương pháp giảng dạy	7	3	10	0	10	30			GDTC	
38	1120197	Đá cầu và phương pháp giảng dạy	4	3	15			30			GDTC	
	1120133	Cờ Vua và phương pháp giảng dạy	4	3	15			30			GDTC	

39	1120253	Pickleball và phương pháp giảng dạy	5	3	15			30			GDTC	
	1120231	Bóng bàn và phương pháp giảng dạy	5	3	15			30			GDTC	
II.2.2. Kiến thức chuyên ngành *(Chọn 1 trong các chuyên ngành sau: BC, BĐ, CL, VT)*				**12**								
40	1120209	TTCN Bóng chuyền 1	4	3	15			30			GDTC	
	1120210	TTCN Bóng đá 1	4	3	15			30			GDTC	
	1120212	TTCN Cầu lông 1	4	3	15			30			GDTC	
	1120254	TTCN Võ cổ truyền Việt Nam 1	4	3	10	0	10	30			GDTC	
41	1120214	TTCN Bóng chuyền 2	5	3	15			30		1120209	GDTC	
	1120215	TTCN Bóng đá 2	5	3	15			30		1120210	GDTC	
	1120217	TTCN Cầu lông 2	5	3	15			30		1120212	GDTC	
	1120255	TTCN Võ cổ truyền Việt Nam 2	5	3	10	0	10	30		1120254	GDTC	
42	1120219	TTCN Bóng chuyền 3	6	3	15			30		1120214	GDTC	
	1120220	TTCN Bóng đá 3	6	3	15			30		1120215	GDTC	
	1120222	TTCN Cầu lông 3	6	3	15			30		1120217	GDTC	
	1120256	TTCN Võ cổ truyền Việt Nam 3	6	3	10	0	10	30		1120255	GDTC	
43	1120224	TTCN Bóng chuyền 4	7	3	15			30		1120219	GDTC	
	1120225	TTCN Bóng đá 4	7	3	15			30		1120220	GDTC	
	1120227	TTCN Cầu lông 4	7	3	15			30		1120222	GDTC	
	1120257	TTCN Võ cổ truyền Việt Nam 4	7	3	10	0	10	30		1120256	GDTC	
II.3.Thực tập nghề nghiệp				**13**								
44	1120258	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1	6	3				90			GDTC	
45	1120259	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2	7	3				90		1120258	GDTC	
46	1120067	Thực tế thể dục thể thao	6	1				15	TT		GDTC	
47	1120065	Thực tập sư phạm 1	7	1	4		20	2	TT	1120059	GDTC	
48	1120066	Thực tập sư phạm 2	8	5			138	12	TT	1120065	GDTC	
II.4. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế				**6**								
49	1120206	Khóa luận tốt nghiệp	8	6				180			GDTC	
Học phần thay thế				6								
50	1120260	Phương pháp Xây dựng kế hoạch dạy học GDTC	8	**2**	30					1120065	GDTC	
51	1120261	Phương pháp Tổ chức dạy học môn GDTC	8	**2**	30					1120065	GDTC	
52	1120262	Phương pháp Tổ chức dạy học môn GDTC	8	**2**	20	10				1120065	GDTC	
Tổng cộng				**138**								

Ghi chú: (*) – Học phần điều kiện

2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy

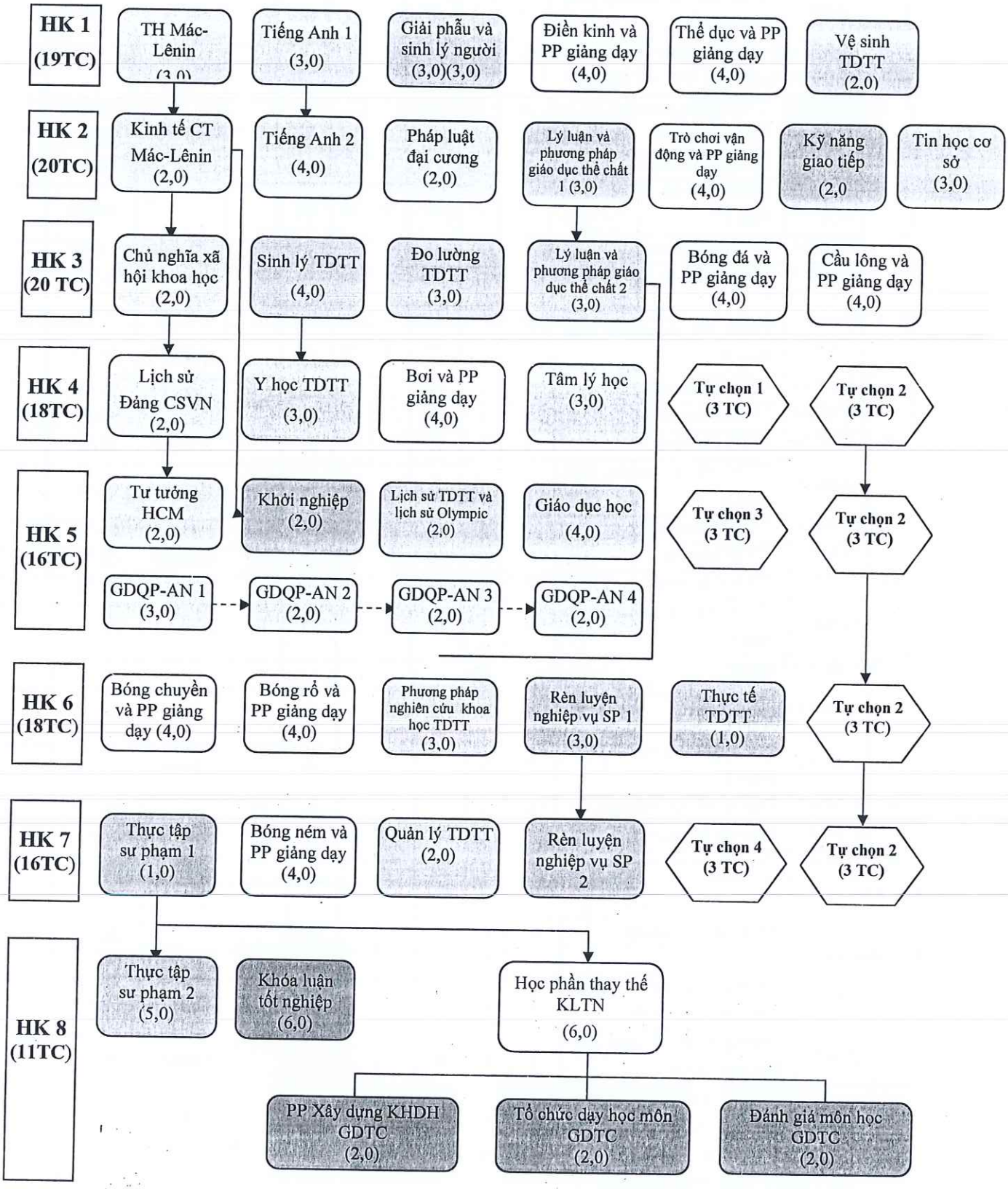

Danh sách các học phần tự chọn

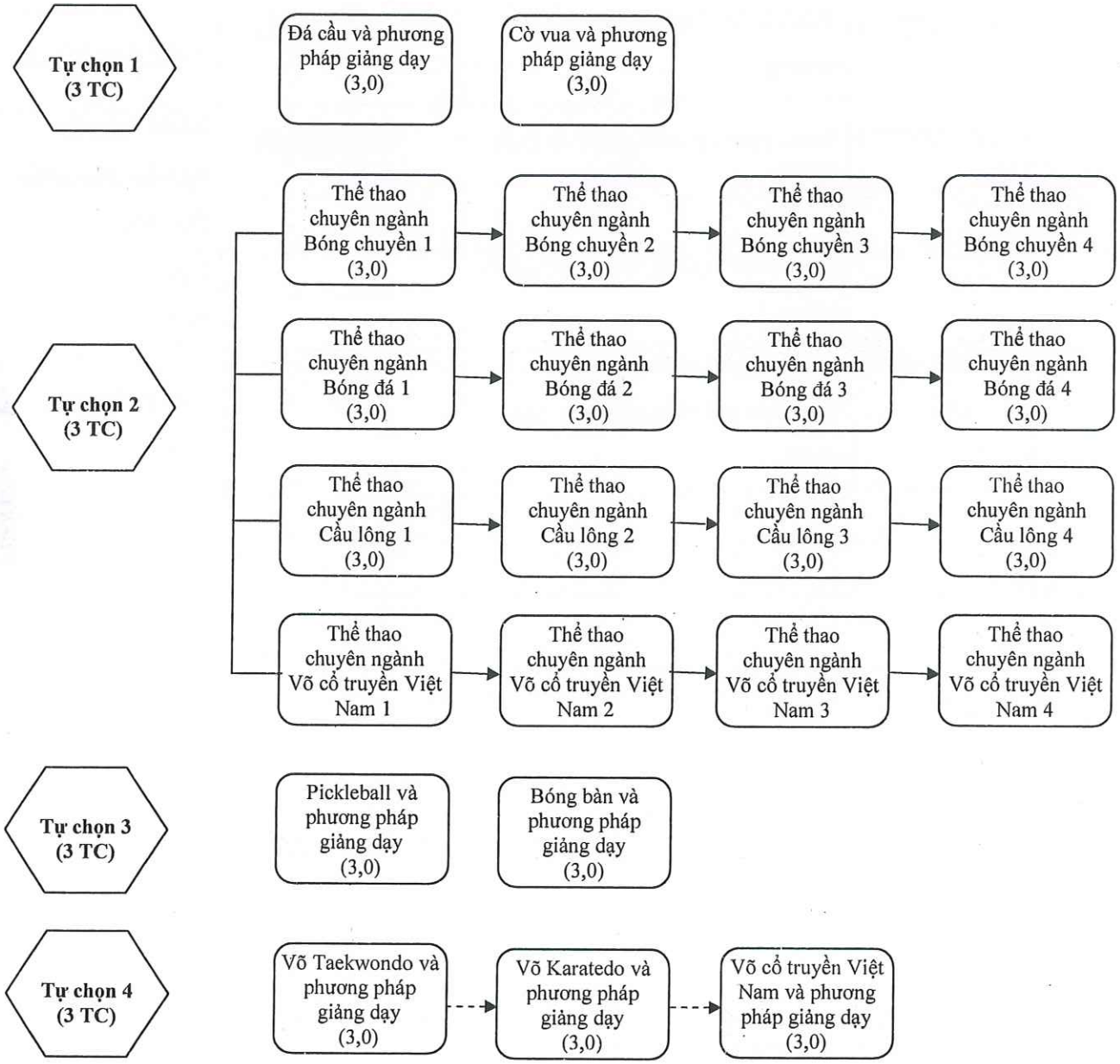

Chú thích:

	Khối kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức bổ trợ
	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành		Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế
	Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)	→	Học phần học trước
Tên học phần (x,y)	x: Số tín chỉ lý thuyết y: Số tín chỉ thí nghiệm – thực hành	⇢	Học phần song hành

2.5.CÁC HỌC PHẦN VÀ QUAN HỆ VỚI CHUẨN ĐẦU RA (PLOs)

*** Ghi chú:** X: tham gia trực tiếp, Y: tham gia gián tiếp; L, M, H: mức độ đóng góp đối với PLO ; A: Học phần đánh giá (Assessment) đối với chỉ báo của PLO.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Loại học phần	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
							1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2
1	1130299	Triết học Mác Lênin	1	Giáo dục đại cương	3	Bắt buộc	Y,L		Y,L				Y,L		Y,L	
2	1090061	Tiếng Anh 1	1	Giáo dục đại cương	3	Bắt buộc	X,L		X,L		X,L					
3	1040227	Giải phẫu và sinh lý người	1	Khối ngành và cơ sở ngành	3	Bắt buộc	X,M		X,M				X,M		X,M	
4	1120247	Điền kinh và phương pháp giảng dạy	1	Ngành, chuyên ngành	4	Bắt buộc		X,M		X,M				X,M		X,M
5	1120248	Thể dục và phương pháp giảng dạy	1	Ngành, chuyên ngành	4	Bắt buộc		X,M		X,M				X,M		X,M
6	1120070	Vệ sinh thể dục thể thao	1	Khối ngành và cơ sở ngành	2	Bắt buộc	X,M		X,M				X,M		X,M,A	
7	1130300	Kinh tế chính trị Mác– Lê nin	2	Giáo dục đại cương	2	Bắt buộc	Y,M		Y,M				Y,M		Y,M	
8	1130049	Pháp luật đại cương	2	Giáo dục đại cương	2	Bắt buộc	Y,M		Y,M				Y,M		Y,M	
9	2030003	Kỹ năng giao tiếp	2	Giáo dục đại cương	2	Bắt buộc	X,M		X,M				X,M		X,M	
10	1090166	Tiếng Anh 2	2	Giáo dục đại cương	4	Bắt buộc	X,M		X,M		X,M					
11	1050242	Tin học cơ sở	2	Giáo dục đại cương	3	Bắt buộc		X,M		X,M	X,M	X,M				

12	1120245	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất 1	2	Khối ngành và cơ sở ngành	3	Bắt buộc	X,M, A		X,M				X,M		X,M	
13	1120249	Trò chơi vận động và phương pháp giảng dạy	2	Ngành, chuyên ngành	4	Bắt buộc		X,M		X,M,A				X,M		X,M
14	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	Giáo dục đại cương	2	Bắt buộc	Y,M		Y,M				Y,M		Y,M	
15	1120125	Sinh lý thể dục thể thao	3	Khối ngành và cơ sở ngành	4	Bắt buộc	X,M,A		X,M				X,M		X,M	
16	1120242	Đo lường thể dục thể thao	3	Khối ngành và cơ sở ngành	3	Bắt buộc	X,M		X,M				X,M		X,M	
17	1120246	Lý luận và phương pháp GDTC 2	3	Khối ngành và cơ sở ngành	3	Bắt buộc	X,H		X,H,A				X,M		X,M	
18	1120232	Bóng đá và phương pháp giảng dạy	3	Ngành, chuyên ngành	4	Bắt buộc		X,M		X,M				X,M		X,M
19	1120230	Cầu lông và phương pháp giảng dạy	3	Ngành, chuyên ngành	4	Bắt buộc		X,M		X,M				X,M		X,M
20	1130302	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	4	Giáo dục đại cương	2	Bắt buộc	Y,M		Y,M				Y,M		Y,M	
21	1120243	Y học thể dục thể thao	4	Khối ngành và cơ sở ngành	3	Bắt buộc	X,M		X,M				X,M,A		X,M	
22	1120229	Bơi và phương pháp giảng dạy	4	Ngành, chuyên ngành	4	Bắt buộc		X,M		X,M				X,M		X,M
23	2030410	Giáo dục học	4	Khối ngành và cơ sở ngành	3	Bắt buộc	X,M		X,M,A				X,M		X,M	
24	1120209	TTCN Bóng chuyền 1	4	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X.M		X,M				X,M		X,M
	1120210	TTCN Bóng đá 1	4	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X,M		X,M				X,M		X,M

	1120212	TTCN Cầu lông 1	4	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X,M		X,M				X,M		X,M
	1120254	TTCN Võ cổ truyền Việt Nam 1	4	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X,M		X,M				X,M		X,M
25	1120133	Cờ Vua và phương pháp giảng dạy	4	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X,M		X,M				X,M		X,M
	1120197	Đá cầu và phương pháp giảng dạy	4	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X,M		X,M				X,M		X,M
26	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	Giáo dục đại cương	2	Bắt buộc	Y,M		Y,M				Y,M		Y,M	
27	1150422	Khởi nghiệp	5	Giáo dục đại cương	2	Bắt buộc		X,M		X,M				X,M		X,M
28	1100086	Tâm lý học	5	Khối ngành và cơ sở ngành	4	Bắt buộc	X,M		X,M				X,M		X,M	
29	1120244	Lịch sử thể dục thể thao và lịch sử Olympic	5	Khối ngành và cơ sở ngành	2	Bắt buộc	X,M		X,M				X,M		X,M	
30	1120214	TTCN Bóng chuyền 2	5	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X,H		X,H				X,M		X,M
	1120215	TTCN Bóng đá 2	5	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X,H		X,H				X,M		X,M
	1120217	TTCN Cầu lông 2	5	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X,H		X,H				X,M		X,M
	1120255	TTCN Võ cổ truyền Việt Nam 2	5	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X,H		X,H				X,M		X,M
31 –	1120253	Pickleball và phương pháp giảng dạy	5	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X,M		X,M				X,M		X,M
	1120231	Bóng bàn và phương pháp giảng dạy	5	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X,M		X,M				X,M		X,M

32	1120233	Bóng chuyền và phương pháp giảng dạy	6	Ngành, chuyên ngành	4	Bắt buộc		X,M		X,M				X,M,A		X,M
33	1120131	Bóng rổ và phương pháp giảng dạy	6	Ngành, chuyên ngành	4	Bắt buộc		X,M		X,M				X,M		X,M
34	1120135	Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao	6	Khối ngành và cơ sở ngành	3	Bắt buộc	X,M		X,M		X,M,A					
35	1120258	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1	6	Thực tập nghề nghiệp	3	Bắt buộc		X,M		X,M		X,M,A		X,M		X,M
36	1120067	Thực tế thể dục thể thao	6	Thực tập nghề nghiệp	1	Bắt buộc	X,L		X,L						Y,L	Y,L
37	1120219	TTCN Bóng chuyền 3	6	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X,H		X,H				X,H		X,M
	1120220	TTCN Bóng đá 3	6	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X,H		X,H				X,H		X,M
	1120222	TTCN Cầu lông 3	6	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X,H		X,H				X,H		X,M
	1120256	TTCN Võ cổ truyền Việt Nam 3	6	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X,H		X,H				X,H		X,M
38	1120259	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2	7	Thực tập nghề nghiệp	3	Bắt buộc		X,H,A		X,H		X,M		X,M		X,M
39	1120052	Quản lý thể dục thể thao	7	Khối ngành và cơ sở ngành	2	Bắt buộc	X,M		X,M				X,M		X,M	
40	1120250	Bóng ném và phương pháp giảng dạy	7	Ngành, chuyên ngành	4	Bắt buộc		X,M		X,M						
41	1120065	Thực tập sư phạm 1	7	Thực tập nghề nghiệp	1	Bắt buộc		X,M,A		X,M		X,M		X,H		X,H
42	1120224	TTCN Bóng chuyền 4	7	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X,H		X,H				X,H		X,H

	1120225	TTCN Bóng đá 4	7	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X,H		X,H				X,H		X,H
	1120227	TTCN Cầu lông 4	7	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X,H		X,H				X,H		X,H
	1120257	TTCN Võ cổ truyền Việt Nam 4	7	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X,H		X,H				X,H		X,H
43	1120252	Võ Karatedo và phương pháp giảng dạy	7	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X,M		X,M				X,M		X,M
	1120200	Võ cổ truyền Việt Nam và phương pháp giảng dạy	7	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X,M		X,M				X,M		X,M
	1120251	Võ Taekwondo và phương pháp giảng dạy	7	Ngành, chuyên ngành	3	Tự chọn		X,M		X,M				X,M		X,M
44	1120066	Thực tập sư phạm 2	8	Thực tập nghề nghiệp	5	Bắt buộc		X,H		X,H		X,H		X,H		X,H, A
45	1120206	Khóa luận tốt nghiệp	8	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6	Bắt buộc	X,H		X,H		X,H	X,H,A	X,H		X,H	
46	1120260	Phương pháp Xây dựng kế hoạch dạy học GDTC	8	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	2	Bắt buộc	X,H					X,H,A			X,H	
47	1120261	Phương pháp Tổ chức dạy học môn GDTC	8	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	2	Bắt buộc			X,H			X,H,A		X,H		
48	1120262	Phương pháp Kiểm tra đánh giá trong dạy học môn GDTC	8	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	2	Bắt buộc	X,H				X,H	X,H,A		X,H		

2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

2.6.1. [1130299], [Triết học Mác – Lênin], [3]

Là một trong những môn học bắt buộc trong chương trình bậc đại học được dạy vào học kỳ 1 của chương trình đào tạo, góp phần cung cấp thế giới quan và phương pháp luận khoa học để học tập các học phần tiếp theo cũng như định hướng cho hoạt động thực tiễn. Khái quát hóa những vấn đề lý luận chung về triết học và triết học Mác – Lênin như giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành và phát triển; những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin... Đặc biệt là trang bị kiến thức về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được chủ nghĩa duy vật biện chứng vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2.6.2. [1130300], [Kinh tế chính trị Mác – Lênin], [2]

Học phần học trước: **Triết học Mác-Lênin**

Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 bàn về những vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam như: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2.6.3.[1130301], [Chủ nghĩa xã hội khoa học], [2]

Học phần học trước: **Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin**

Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học bắt buộc thuộc thành phần giáo dục đại cương, được giảng dạy ở học kỳ 3 trong Chương trình đào tạo. Nội dung môn học gồm 7 chương, trang bị những kiến thức chính trị - xã hội cơ bản cho người học như sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình… trong TKQĐ lên CNXH.

2.6.4. [1130302], [Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam], [2]

Học phần học trước: **Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Học phần thuộc học kỳ 4, là học phần bắt buộc trong chương trình học. Học phần góp phần cung cấp các quan điểm chính trị đúng đắn, nắm bắt được đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam cho người học. Nội dung môn học gồm 3 chương, trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (Từ năm 1975 đến nay).

2.6.5. [1130091], [Tư tưởng Hồ Chí Minh], [2]

Học phần học trước: **Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam**

Học phần thuộc học kỳ 5, là học phần bắt buộc trong chương trình học, thuộc thành phần giáo dục đại cương. Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.6.6. [1130049], [Pháp luật đại cương], [2]

Học phần được triển khai giảng dạy trong Kỳ 1, đóng vai trò là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, cơ chế điều chỉnh pháp luật, đồng thời cung cấp cho người học những kiến thức khái quát về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức sâu sắc hơn về vai trò của pháp luật từ đó hình thành ý thức và kỹ năng thực hiện pháp luật trong thực tiễn cuộc sống.

2.6.7. [115001], [Giáo dục quốc phòng – An ninh 1], [3]

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh,

quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan đểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

2.6.8. [115002], [Giáo dục quốc phòng – An ninh 2], [2]

Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

2.6.9. [115003], [Giáo dục quốc phòng – An ninh 3], [2]

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.

2.6.10. [115004], [Giáo dục quốc phòng – An ninh 4], [2]

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn sung AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

2.6.11. [1090061], [Tiếng Anh 1], [3]

Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, thuộc khối Kiến thức đại cương và được giảng dạy ở học kỳ một. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức ở cấp độ tiền trung cấp về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những khía cạnh văn hóa Anh liên quan đến những chủ đề *giới thiệu bản thân, kỷ niệm,*

những vấn đề cần suy ngẫm, mục tiêu và hoài bão; ở nhà và *xa nhà*. Kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng kiến thức ngôn ngữ và văn hóa Anh đã học vào thực hành *nghe, nói, đọc* và *viết* ở cấp độ tiền trung cấp. Học phần có quan hệ bổ trợ với học phần *Tiếng Anh 2*.

2.6.12. [1090166], [Tiếng Anh 2], [4]

Học phần học trước: **Tiếng Anh 1**

Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, thuộc khối Kiến thức đại cương và được giảng dạy ở học kỳ hai. Học phần trang bị thêm cho sinh viên kiến thức ở cấp độ tiền trung cấp về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp đã học trong *Tiếng Anh 1* và những khía cạnh văn hóa Anh về các chủ đề *hành trình, cảm hứng thay đổi, việc làm, sức khỏe và hạnh phúc, giải trí* và *thử thách*. Kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng kiến thức ngữ pháp và văn hóa Anh đã học vào thực hành *nghe, nói, đọc* và *viết* ở cấp độ tiền trung cấp. Học phần có quan hệ bổ trợ với học phần *Kỹ năng giao tiếp*.

2.6.13. [2030003], [Kỹ năng giao tiếp], [2]

Kỹ năng giao tiếp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần nhằm cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp như khái niệm, chức năng, nguyên tắc và quá thức giao tiếp, từ đó giúp người học vận dụng linh hoạt, hiệu quả kiến thức vào học tập và thực tiễn cuộc sống. Học phần kết hợp lý thuyết với thực hành rèn luyện cho người học những kỹ nâng giao tiếp cơ bản nhằm phát triển năng lực giao tiếp hiệu quả, kỹ năng phản biện, làm việc nhóm và thích ứng trong môi trường kỹ thuật số hiện đại.

2.6.14. [1150422], [Khởi nghiệp], [2]

Học phần học trước: **Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin.**

Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về khởi nghiệp và dự kiến bố trí vào học kỳ 5. Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp giúp trang bị cho người học kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu về khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, nhận diện cơ hội khởi nghiệp, hình thành ý tưởng khởi nghiệp, xây dựng mô hình kinh doanh, hoạch định con đường khởi nghiệp thông qua lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi

trường. Ngoài ra ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi người học.

2.6.15. [1050242], [Tin học cơ sở], [3]

Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của ngành học, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Microsoft.

2.6.16. [1040227], [Giải phẫu và Sinh lý người], [3TC]

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Giải phẫu và Sinh lý người cung cấp kiến thức nền tảng về cấu tạo và chức năng của các hệ cơ quan trong cơ thể, từ cấp độ tế bào đến các hệ cơ quan và toàn bộ cơ thể người; cung cấp kiến thức về các cơ chế sinh lý, sự tương tác giữa các hệ cơ quan, và vai trò điều hòa của hệ thần kinh – thể dịch nhằm đảm bảo sự ổn định nội môi và sự thích nghi của cơ thể với môi trường.

Học phần Giải phẫu và Sinh lý người giúp sinh viên hiểu về cơ chế hoạt động sinh lý của con người trong trạng thái bình thường và khi vận động, góp phần hỗ trợ việc xây dựng và giảng dạy chương trình giáo dục thể chất, huấn luyện thể thao và bảo vệ sức khỏe.

2.6.17. [1120125], [Sinh lý thể dục thể thao], [4TC]

Học phần học trước: không

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của hệ thống cơ quan cơ thể và mối quan hệ lẫn nhau của các hệ thống cơ quan cơ thể. Ảnh hưởng của hoạt động đối với cơ bắp, xương, tim mạch, hô hấp, tuyến nội tiết và sự thích ứng của các hệ thống trên đối với vận động. Giảng dạy các nội dung của việc trao đổi chất ưa khí, yếm khí và hình thành kỹ năng vận động, học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sinh lý cơ thể trong hoạt động TDTT, đặc điểm sinh lý lứa tuổi và những hiểu biết về ảnh hưởng sinh lý của các môn thể thao đối với cơ thể. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo dục thể dục, thể thao.

2.6.18. [1120070], [Vệ sinh thể dục thể thao], [2TC]

Học phần học trước: không

Nội dung chính của học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất cơ chế tác động của các yếu tố môi trường, bao gồm các yếu tố môi trường tự nhiên (nước, không khí, ánh sáng, đất) và môi trường xã hội (Dinh dưỡng, chế độ sinh hoạt, tập luyện và thi đấu) đến các chức năng và hình thái cấu trúc cơ thể người tham gia tập luyện TDTT. Trên cơ sở đó đề xuất các yêu cầu và xây dựng các chế độ vệ sinh với những tiêu chuẩn và các biện pháp cụ thể nhằm ứng dụng những tác động có lợi và đề ra các biện pháp hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực của các yếu tố môi trường và quá trình giáo dục thể chất, cũng như trong các hoạt động TDTT quần chúng và công tác huấn luyện thể thao nhằm gìn giữ và tăng cường sức khỏe , nâng cao khả năng hoạt động thể lực và thành tích thể thao, đồng thời đề phòng được bện tật và các chấn thương không mông muốn xảy ra trong quá trình tham gia tập luyện.

2.6.19. [1120242], [Đo lường thể dục thể thao], [3TC]

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kĩ năng cơ bản về xử lý số liệu của các phép đo, khái niệm về test. Giới thiệu kỹ thuật lập test và các test sư phạm. Cách xây dựng thang điểm và thang đánh giá về thành tích thể thao. Nắm được phương pháp đánh giá về các chỉ số hình thái cơ thể. Xác định tiêu chuẩn và tuyển chọn VĐV.

2.6.20. [1120243], [Y học thể dục thể thao], [3TC]

Học phần học trước: không

Nội dung học phần gồm 5 chương: Trong đó, chương 1 bàn về nhập môn y học TDTT, nội dung chương trình môn học y học thể dục thể thao. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của y học thể dục thể thao theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề, hệ vấn đề như: Kiểm tra y học TDTT; Chấn thương TDTT; Bệnh lý TDTT. Chương 5 bàn về những vấn đề xoa bóp và thể dục chữa bệnh như: Nguyên lý, tác dụng và các kỹ thuật xoa bóp; Nguyên lý, tác dụng và áp dụng thể dục chữa bệnh trong phòng ngừa và điều trị một số bệnh và chấn thương.

2.6.21. [1120244], [Lịch sử thể dục thể thao và lịch sử Olympic], [2TC]

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và có hệ thống về quá trình hình thành, phát triển của thể dục thể thao (TDTT) trên thế giới và ở Việt Nam, từ thời cổ đại đến

hiện đại. Nội dung bao gồm các giai đoạn phát triển TDTT qua từng thời kỳ lịch sử, xu hướng phát triển hiện nay, vai trò của TDTT trong đời sống xã hội, cùng với sự ra đời và tiến trình phát triển của phong trào Olympic hiện đại.

Bên cạnh việc tìm hiểu tư tưởng, mục tiêu và giá trị cốt lõi của phong trào Olympic, học phần cũng tập trung làm rõ vai trò của Ủy ban Olympic quốc tế (IOC) và quá trình tham gia của Việt Nam tại các kỳ Thế vận hội.

2.6.22. [1120052], [Quản lý thể dục thể thao], [2TC]

Điều kiện tiên quyết: không

Quản lý Thể dục thể thao là môn học cơ sở, chủ yếu trong chương trình đào tạo cử nhân ngành GDTC. Môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về hệ thống quản lý nhà nước và quản lý xã hội ở Việt Nam; quản lý TDTT; phương pháp quản lý; hoạt động quản lý; chiến lược phát triển Thể dục, thể thao Việt Nam và quản lý công tác TDTT trong trường học. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn quản lý công tác TDTT trong trường học các cấp.

2.6.23. [1120245], [Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất 1], [3TC]

Điều kiện tiên quyết: Không

Lý luận và phương pháp GDTC là môn học chủ yếu đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp trong chương trình đào tạo cử nhân ngành GDTC. Môn Lý luận và phương pháp GDTC 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khoa học chuyên ngành chung và tổng hợp nhất trong lĩnh vực GDTC bao gồm: các khái niệm, bản chất, các phương tiện GDTC, các nguyên tắc giảng dạy động tác, phương pháp giảng dạy động tác, phát triển các tố chất thể lực, các hình thức tổ chức giờ thể dục và huấn luyện thể thao. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để phân tích, thực hiện những nhiệm vụ cụ thể có liên quan trong thực tiễn GDTC.

2.6.24. [1120246], [Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất 2], [3TC]

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận GDTC trong trường phổ thông, các phương pháp giảng dạy Giáo dục thể chất thường được sử dụng cho học sinh Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học Phổ thông, nắm bắt được đặc điểm tâm, sinh lý học sinh phổ thông. Qua đó xây dựng kế hoạch môn học, kế hoạch bài dạy, phương pháp giáo dục tố chất thể lực giúp học sinh hình thành kỹ năng vận dụng lý luận - phương pháp vào thực tiễn công tác giảng dạy và huấn luyện thể thao nghiệp dư trong trường học phổ

thông. Hình thành niềm tin và tình yêu nghề nghiệp cho sinh viên.

2.6.25. [1120135], [Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao], [3TC]

Điều kiện tiên quyết: không

Phương pháp nghiên cứu khoa học Thể dục thể thao là môn học cơ sở, chủ yếu trong chương trình đào tạo cử nhân ngành GDTC. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học để phục vụ nhu cầu học tập và làm nghiên cứu ở bậc đại học; hướng dẫn sinh viên cách chọn đề tài; cách viết đề cương một NCKH, cách trình bày một báo cáo NCKH theo quy định về mặt ngôn ngữ và thông tin, cách trích dẫn tài liệu tham khảo, và viết đề mục sách tham khảo. Học phần cũng rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cứng cần thiết trong việc thực hiện NCKH, các kỹ năng mềm để sử dụng trong báo cáo thuyết trình, báo cáo khoa học.

2.6.26. [1100086], [Tâm lý học], [3TC]

Học phần học trước: **Triết học Mác - Lênin**

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản của khoa học tâm lý, bao gồm: bản chất của các hiện tượng tâm lý, hoạt động nhận thức, nhân cách; đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông, cơ sở tâm lý của hoạt động dạy học và giáo dục đạo đức. Qua đó, sinh viên hình thành năng lực giải thích, phân tích và vận dụng kiến thức tâm lý học vào thực tiễn giáo dục; phát triển năng lực giao tiếp sư phạm, giáo dục đạo đức và xây dựng môi trường học tập tích cực, phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp giáo viên.

2.6.27. [2030410], [Giáo dục học], [4TC]

Học phần học trước: **Tâm lý học**

Học phần Giáo dục học trang bị cho sinh viên những hiểu biết toàn diện về giáo dục, về nghề dạy học và công việc của người giáo viên trong nhà trường trung học. Thông qua việc trang bị những nội dung tổng thể về khoa học giáo dục, quá trình dạy học, quá trình giáo dục (theo nghĩa hẹp) và công tác quản lý nhà trường, quản lý học sinh, giúp sinh viên bồi dưỡng thái độ tích cực với nghề và xác định phương hướng rèn luyện phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

2.6.28. [1120247], [Điền kinh và phương pháp giảng dạy], [4TC]

Điều kiện tiên quyết: không

Điền kinh là môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo, là học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập điền kinh có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực toàn diện. Môn Điền kinh trang bị cho sinh viên hệ thống

những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn Điền kinh như: đi bộ, chạy, nhảy, ném đẩy và nhiều môn phối hợp; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài một số nội dung chính của môn Điền kinh.

2.6.29. [1120248], [Thể dục và phương pháp giảng dạy], [4TC]

Điều kiện tiên quyết: không

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển môn thể dục, vị trí vai trò và nhiệm vụ của môn học thể dục, thuật ngữ môn thể dục, chấn thương trong tập luyện thể dục, môn học phát triển các nền tảng các tố chất thể lực cần thiết phục vụ cho nhu cầu học tập các môn thể thao chuyên ngành. Giúp sinh viên thực hiện và tổ chức giảng dạy học phần thể dục: Đội hình đội ngũ, thể dục phát triển chung, thể dục nhịp điệu, thể dục đồng diễn, thể dục dụng cụ. Ngoài ra giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, tinh thần đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm giúp các em vận dụng tốt các nội dung thể dục vào thực tiễn giảng dạy sau này.

2.6.30. [1120233], [Bóng chuyền và phương pháp giảng dạy], [4TC]

Điều kiện tiên quyết: không

Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về bóng chuyền chuyên ngành, khái niệm, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện, phương pháp giảng dạy bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Trang bị cho sinh viên bài tập bổ trợ kỹ thuật bóng chuyền, kỹ thuật di chuyển, đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng số 4, số 3, số 2, chắn bóng, chiến thuật tấn công và phòng thủ, công tác tổ chức và trọng tài. Đồng thời giúp sinh viên rèn luyện năng lực sử dụng kiến thức vào thực tiễn một cách có hiệu quả nhất trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.6.31. [1120232], [Bóng đá và phương pháp giảng dạy], [4TC]

Điều kiện tiên quyết: Không

Bóng đá và phương pháp giảng dạy là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên giáo dục thể chất, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp giảng dạy môn bóng đá, trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích và thị phạm các động tác kỹ thuật, biết cách giảng dạy và hướng dẫn tập luyện, kỹ năng thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Bóng đá được xem là môn "thể thao vua" tại Việt

Nam cũng như trên thế giới, luyện tập môn thể thao này giúp người tập phát triển các tố chất thể lực và có tác dụng cao về mặt giáo dục đạo đức, ý chí, tinh thần tập thể.

2.6.32 [1120131], [Bóng rổ và phương pháp giảng dạy], [4TC]

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy môn bóng rổ, một nền tảng thể lực và khả năng thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của bóng rổ ở mức độ tương đối chính xác. Khi hoàn thành chương trình, người học có thể thực hiện chương trình đào tạo, tổ chức hoạt động dạy học, tổ chức kiểm tra đánh giá môn học bóng rổ; tổ chức và điều khiển hoạt động thi đấu bóng rổ. Ngoài ra còn giáo dục những phẩm chất đạo đức cần thiết để đáp ứng yêu cầu của người giáo viên, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết, tập thể…

2.6.33. [1120230], [Cầu lông và phương pháp giảng dạy], [4TC]

Điều kiện tiên quyết: Không

Đào tạo sinh viên theo chuyên ngành GDTC, trở thành những cán bộ có năng lực giảng dạy các kỹ năng cơ bản của kỹ thuật môn Cầu lông; biết vận dụng phương pháp trọng tài và tổ chức thi đấu. Có năng lực tổ chức tập luyện trong các trường học, các cấp và làm cán bộ chuyên môn ở các sở, ngành.

2.6.34. [1120299], [Bơi và phương pháp giảng dạy], [4TC]

Điều kiện tiên quyết: không

Phần lý thuyết: Trang bị cho sinh viên kiến thức về lịch sử môn học; vị trí và tác dụng của môn bơi trong hệ thống giáo dục thể chất, cách nghiên cứu và tham khảo tài liệu môn học, các nguyên tắc giảng dạy và bước đầu nắm được các phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học về môn bơi.

Phần thực hành: Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản của hai kiểu bơi Trườn sấp, Ếch và kỹ thuật xuất phát và kỹ thuật quay vòng đơn giản; các bài tập phát triển thể lực chung, các biện pháp phòng ngừa và khắc phục những sai sót trong quá trình học tập; các phương pháp tổ chức giảng dạy bơi Ếch và Trườn sấp.

2.6.35. [1120249], [Trò chơi vận động và phương pháp giảng dạy], [4TC]

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Trò chơi vận động (TCVĐ) nhằm trang bị cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất những kiến thức cơ bản về lý thuyết và kỹ năng thực hành.

Về lý thuyết, học phần cung cấp kiến thức nền tảng như: nguồn gốc, khái niệm, phân

loại, đặc điểm cũng như xu hướng vận dụng TCVĐ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Về thực hành, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng cơ bản như: biên soạn, sáng tác, hướng dẫn, tổ chức thi đấu và làm trọng tài trong các loại hình TCVĐ, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, mục tiêu giáo dục và điều kiện thực tiễn.

2.6.36. [1120250], [Bóng ném và phương pháp giảng dạy], [4TC]

Điều kiện tiên quyết: Không

Bóng ném là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm giáo dục thể chất, là môn thể thao thi đấu tập thể. Tập luyện môn bóng ném nhằm nâng cao tinh thần đồng đội, phát triển khả năng phối hợp nhóm. Trong quá trình tập luyện và thi đấu môn bóng ném, đòi hỏi khả năng vận động rất cao của người tập. Vì vậy, ngoài việc để đáp ứng được yêu cầu môn học, tập luyện môn bóng ném còn có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người một cách toàn diện. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng ném, hình thành một số kỹ thuật cơ bản của môn học. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng ném, có khả năng thiết kế, phân tích môn học để giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài.

2.6.37. [1120252], [Võ Karetedo và phương pháp giảng dạy], [3TC]

Môn võ Karate - do là một trong những môn thể thao tự chọn của sinh viên ngành GDTC. Tập luyện và thi đấu karate - do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

Học phần Karate - do trang bị cho sinh viên:

Phần lý thuyết: Trang bị những kiến thức về một số điều luật và phương pháp trọng tài Karatedo; nguyên lý các kỹ thuật, chiến thuật thi đấu Karatedo; phương pháp phát triển các tố chất thể lực chung và chuyên môn... Đồng thời, nhận thức rõ vị trí, vai trò và ý nghĩa của môn học Karate-do trong hệ thống giáo dục thể chất nói chung.

Phần thực hành: Trang bị cho sinh viên những kiến thức thực hành căn bản về các kỹ thuật tay, kỹ thuật chân, kỹ thuật quyền, đối luyện và kỹ thuật thi đấu tự do, luật với các kỹ thuật tấn công đòn đơn, đòn phối hợp, cũng như đối luyện bán tự do.

2.6.37. [1120200], [Võ cổ truyền Việt Nam và phương pháp giảng dạy], [3TC]

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ cổ truyền Việt Nam có nhiều giá trị giáo

dục, giáo dưỡng, nhân văn, thượng võ, văn hóa thể chất. Trên cơ sở đó giúp sinh viên sau khi ra trường có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo dục thể chất bằng Võ cổ truyền Việt Nam cho các đối tượng học sinh, thế hệ trẻ, gắn kết trách nhiệm bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc.

2.6.37. [1120251], [Võ Taekwondo và phương pháp giảng dạy], [3TC]

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ Taekwondo. Chương trình huấn luyện của môn võ này là nhấn mạnh vào tinh thần thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự triển khai tính đạo đức và giúp người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, phát triển toàn diện tố chất thể lực.

2.6.38. [1120197], [Đá cầu và phương pháp giảng dạy], [3TC]

Điều kiện tiên quyết: Không

Đá cầu và phương pháp giảng dạy là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên giáo dục thể chất, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp giảng dạy đá cầu, sinh viên trang bị kỹ năng phân tích và thị phạm các động tác kỹ thuật, kỹ năng đứng lớp, hướng dẫn và bố trí đội hình tập luyện, kỹ năng thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Luyện tập môn thể thao này giúp người chơi phát triển tốt các tố chất thể lực và có tác dụng cao về mặt giáo dục đạo đức, ý chí.

2.6.38. [1120133], [Cờ vua và phương pháp giảng dạy], [3TC]

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những tri thức cơ bản, phương pháp tập luyện, giảng dạy, nghiên cứu khoa học trong môn Cờ Vua. Ngoài ra khi kết thúc học phần người học có khả năng tư duy lôgíc, luyện trí thông minh, giáo dục những phẩm chất tốt đẹp như tính tổ chức kỷ luật, kiên cường bình tĩnh luyện mưu trí, óc sáng tạo, luyện cách nhìn xa trông rộng, biết phân tích, tổng hợp tình hình một cách khách quan khoa học, rèn luyện cách làm việc có kế hoạch, tính quyết đoán và táo bạo trong xử lý tình huống.

2.6.39. [1120253], [Pickleball và phương pháp giảng dạy], [3TC]

Điều kiện tiên quyết: Không

Pickleball là môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo, tuy học phần tự chọn nhưng là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản

trong môn Pickleball, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật của môn Pickleball đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Pickleball.

2.6.39. [1120231], [Bóng bàn và phương pháp giảng dạy], [3TC]

Điều kiện tiên quyết: Không

Về lý thuyết, trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử môn học, vị trí và tác dụng của môn bóng bàn trong hệ thống giáo dục thể chất, nguyên lý chung về đánh bóng trong Bóng bàn; Về thực hành, trang bị cho sinh viên những kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn bóng bàn; các bài tập phát triển thể lực chung, phương pháp tổ chức giảng dạy và huấn luyện bóng bàn, phương pháp trọng tài và tổ chức thi đấu.

2.6.40. [1120209], [Thể thao chuyên ngành Bóng chuyền 1], [3TC]

Trang bị cho sinh viên những tri thức bước đầu về bóng chuyền chuyên ngành, khái đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng (chuyền bóng thấp tay), chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, đập bóng chính diện theo phương lấy đà, một số điều luật tổ chức và trọng tài.

2.6.40. [1120210], [Thể thao chuyên ngành Bóng đá 1], [3TC]

Bóng đá 1 là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo giáo viên giáo dục thể chất, học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vị trí , vai trò của bóng đá trong đời sống xã hội, sơ lược lịch sử phát triển môn Bóng đá, về kỹ năng xử lý chấn thương trong tập luyện và thi đấu Bóng đá, người học nắm và thực hiện được các động tác kỹ thuật cơ bản, kỹ năng thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Luyện tập bóng đá giúp người tập phát triển các tố chất thể lực và có tác dụng cao về mặt giáo dục đạo đức, ý chí, tinh thần tập thể.

2.6.40. [1120212], [Thể thao chuyên ngành Cầu lông 1], [3TC]

Là môn thể thao tự chọn trong chương trình đào tạo sinh viên theo chuyên ngành GDTC, trở thành những cán bộ có năng lực giảng dạy các kỹ năng cơ bản của kỹ thuật môn Cầu lông; biết vận dụng kiến thức đã học vào việc hoàn thiện kỹ thuật cầu lông cơ bản. Có năng lực tổ chức tập luyện nhóm để nâng cao hiệu quả đánh cầu bằng các kỹ thuật cơ bản được học. Nắm và vận dụng được một số chiến thuật và điều luật cầu lông cơ bản vào thực tiễn tập luyện môn cầu lông.

2.6.40. [1120254], [Thể thao chuyên ngành Võ cổ truyền Việt Nam 1], [3TC]

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ cổ truyền Việt Nam có nhiều giá trị giáo dục, giáo dưỡng, nhân văn, thượng võ, văn hóa thể chất. Trên cơ sở đó giúp sinh viên sau khi ra trường có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo dục thể chất bằng Võ cổ truyền Việt Nam cho các đối tượng học sinh, thế hệ trẻ, gắn kết trách nhiệm bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc.

2.6.41. [1120214], [Thể thao chuyên ngành Bóng chuyền 2], [3TC]

Học phần học trước: **Thể thao chuyên ngành Bóng chuyền 1**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ, chiến thuật trong bóng chuyền, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài; đồng thời giúp sinh viên rèn luyện năng lực sử dụng kiến thức vào thực tiễn một cách có hiệu quả nhất trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.6.41. [1120215], [Thể thao chuyên ngành Bóng đá 2], [3TC]

Học phần học trước: **Thể thao chuyên ngành Bóng đá 1**

Bóng đá 2 là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo giáo viên giáo dục thể chất, học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học trong Bóng đá, hiểu và vận dụng chiến thuật trong thi đấu, học phần cũng trang bị cho người học nắm và thực hiện được các động tác kỹ thuật cơ bản và nâng cao, các chiến thuật trong thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trang bị kiến thức về luật thi đấu Bóng đá 7 người. Bóng đá thu hút đông đảo lượng người tập, luyện tập môn thể thao này giúp phát triển tốt các tố chất thể lực và có tác dụng cao về mặt giáo dục đạo đức, ý chí.

2.6.41. [1120217], [Thể thao chuyên ngành Cầu lông 2], [3TC]

Học phần học trước: **Thể thao chuyên ngành Cầu lông 1**

Thể thao chuyên ngành Cầu lông 2 là môn học quan trọng của chương trình đào tạo ngành GDTC nhằm trang bị cho sinh viên phương pháp giảng dạy, luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn Cầu lông. Nâng cao các kỹ thuật di chuyển, phát cầu, đánh cầu, đập cầu, bỏ nhỏ, các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện cầu lông và chiến thuật thi đấu Cầu lông.

Đồng thời giúp sinh viên rèn luyện năng lực sử dụng kiến thức vào thực tiễn một cách có hiệu quả nhất trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.6.41. [1120255], [Thể thao chuyên ngành Võ cổ truyền Việt Nam 2], [3TC]

Học phần học trước: **Thể thao chuyên ngành Võ cổ truyền Việt Nam 1**

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ cổ truyền Việt Nam có nhiều giá trị giáo dục, giáo dưỡng, nhân văn, thượng võ, văn hóa thể chất. Trên cơ sở đó giúp sinh viên sau khi ra trường có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo dục thể chất bằng Võ cổ truyền Việt Nam cho các đối tượng học sinh, thế hệ trẻ, gắn kết trách nhiệm bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc.

2.6.42. [1120219], [Thể thao chuyên ngành Bóng chuyền 3], [3TC]

Học phần học trước: **Thể thao chuyên ngành Bóng chuyền 2**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ, chiến thuật trong bóng chuyền, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài; đồng thời giúp sinh viên rèn luyện năng lực sử dụng kiến thức vào thực tiễn một cách có hiệu quả nhất trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.6.42. [1120220], [Thể thao chuyên ngành Bóng đá 3], [3TC]

Học phần học trước: **Thể thao chuyên ngành Bóng đá 2**

Bóng đá 3 là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo giáo viên giáo dục thể chất, học phần trang bị những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp giảng dạy môn Bóng đá, học phần cũng trang bị cho người học nắm và thực hiện được các động tác kỹ thuật cơ bản và nâng cao, kỹ năng thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trang bị kiến thức về luật thi đấu Bóng đá 5 người. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho người học kiến thức về phương pháp huấn luyện thể lực cho người tập Bóng đá. Bóng đá được xem là môn "thể thao vua" tại Việt Nam cũng như trên thế giới, luyện tập môn thể thao này giúp người chơi phát triển các tố chất thể lực và có tác dụng cao về mặt giáo dục đạo đức, ý chí.

2.6.42. [1120222], [Thể thao chuyên ngành Cầu lông 3], [3TC]

Học phần học trước: **Thể thao chuyên ngành Cầu lông 2**

Đào tạo sinh viên theo chuyên ngành GDTC, nắm vững và hiểu rõ các chiến thuật thi đấu đơn, thi đấu đôi cơ bản; vận dụng được các chiến thuật cơ bản vào thực tiễn thi đấu; vận dụng kiến thức về luật và phương pháp trọng tài vào tổ chức giải thi đấu cầu lông.

2.6.42. [1120256], [Thể thao chuyên ngành Võ cổ truyền Việt Nam 3], [3TC]

Học phần học trước: **Thể thao chuyên ngành Võ cổ truyền Việt Nam 2**

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ cổ truyền Việt Nam với nhiều giá trị giáo dục, giáo dưỡng, nhân văn, thượng võ, văn hóa thể chất. Trên cơ sở đó giúp sinh viên sau khi ra trường có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo dục thể chất bằng Võ cổ truyền Việt Nam cho các đối tượng học sinh, thế hệ trẻ, gắn kết trách nhiệm bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc.

2.6.43. [1120224], [Thể thao chuyên ngành Bóng chuyền 4], [3TC]

Học phần học trước: **Thể thao chuyên ngành Bóng chuyền 3**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về phương pháp giảng dạy, luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyền và các kỹ chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng, đồng thời giúp sinh viên rèn luyện năng lực sử dụng kiến thức vào thực tiễn một cách có hiệu quả nhất trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.6.43. [1120225], [Thể thao chuyên ngành Bóng đá 4], [3TC]

Học phần học trước: **Thể thao chuyên ngành Bóng đá 3**

Bóng đá 4 là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo giáo viên giáo dục thể chất, học phần trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp huấn luyện môn Bóng đá, Những kiến thức cơ bản về công tác chỉ đạo trận đấu, giúp bổ sung kiến thức cho công tác giảng dạy và huấn luyện sau này. Đồng thời học phần cũng trang bị cho người học nắm và thực hiện được các động tác kỹ thuật, kỹ năng thi đấu. Biết tổ chức thi đấu và trọng tài điều khiển trận đấu. Bóng đá thu hút đông đảo lượng người tập, luyện tập môn thể thao này giúp con người phát triển các tố chất thể lực, có tác dụng cao về mặt giáo dục đạo đức, ý chí, tinh thần tập thể.

2.6.43. [1120227], [Thể thao chuyên ngành Cầu lông 4], [3TC]

Học phần học trước: **Thể thao chuyên ngành Cầu lông 3**

Đào tạo sinh viên theo chuyên ngành GDTC, nắm vững và hiểu rõ các chiến thuật thi đấu đơn, thi đấu đôi cơ bản; vận dụng được các chiến thuật cơ bản vào thực tiễn thi đấu; vận dụng kiến thức về luật và phương pháp trọng tài vào tổ chức giải thi đấu cầu lông.

2.6.43. [1120257], [Thể thao chuyên ngành Võ cổ truyền Việt Nam 4], [3TC]

Học phần học trước: **Thể thao chuyên ngành Võ cổ truyền Việt Nam 3**

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ cổ truyền Việt Nam với nhiều giá trị giáo dục, giáo dưỡng, nhân văn, thượng võ, văn hóa thể chất. Trên cơ sở đó giúp sinh viên sau khi ra trường có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo dục thể chất bằng Võ cổ truyền Việt Nam cho các đối tượng học sinh, thế hệ trẻ, gắn kết trách nhiệm bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc.

2.6.44. [1120258], [Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1], [3TC]

Điều kiện tiên quyết: không

Môn học rèn luyện nghiệp vụ sư phạm là một trong các môn cơ sở ngành trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm giáo dục thể chất. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm hướng dẫn cho sinh viên cách tổ chức dạy học cụ thể, đồng thời giúp sinh viên củng cố, mở rộng và nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động tập giảng.

Học phần giúp sinh viên vận dụng những kiến thức lý luận dạy học vào thực tiễn giảng dạy nhằm hình thành các kỹ năng giảng dạy cơ bản cho sinh viên. Qua học phần này sẽ giúp cho sinh viên tiếp thu được những kỹ năng cần thiết cho việc thiết kế xây dựng kế hoạch giảng dạy, kỹ năng giao tiếp, ứng xử sư phạm, xử lí các tình huống sư phạm. Những kỹ năng này là nền tảng, phương tiện, cơ sở trong việc tiếp cận dễ dàng trong các mối quan hệ xã hội, tạo kiều kiện thuận lợi trong việc tổ chức các hoạt động dạy học.

2.6.45. [1120259], [Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2], [3TC]

Điều kiên tiên quyết: **Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1**

Môn học rèn luyện nghiệp vụ sư phạm là một trong các môn cơ sở ngành trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm giáo dục thể chất. Môn rèn luyện nghiệp vụ sư phạm hướng dẫn cho sinh viên cách tổ chức dạy học cụ thể, đồng thời giúp sinh viên củng cố, mở rộng và nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động tập giảng. Học phần giúp sinh viên vận dụng những kiến thức lý luận dạy học vào thực tiễn giảng dạy nhằm hình thành các kỹ năng giảng dạy cơ bản cho sinh viên. Qua học phần này sẽ giúp cho sinh viên tiếp thu được những kỹ năng cần thiết cho việc thiết kế xây dựng kế hoạch giảng dạy, kỹ năng giao tiếp, ứng xử sư phạm, xử lí các tình huống sư phạm. Những kỹ năng này là nền tảng, phương tiện, cơ sở trong việc tiếp cận dễ dàng trong các mối quan hệ xã hội, tạo kiều kiện thuận lợi trong việc tổ chức các hoạt động dạy học.

2.6.46. [1120067], [Thực tế thể dục thể thao], [1TC]

Điều kiên tiên quyết: không

Giúp sinh viên có điều kiện tìm hiểu thực tế về những vấn đề liên quan đến giảng dạy – học tập; huấn luyện thể thao; trang thiết bị; phương pháp dạy và học, nghiên cứu khoa học của một số trường đào tạo chuyên ngành Giáo dục thể chất và Huấn luyện thể thao để có sự so sánh, đối chiếu và khắc sâu kiến thức. Từ đó, sinh viên biết vận dụng tri thức vào thực tế giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu khi ra trường.

2.6.47. [1120065], [Thực tập sư phạm 1], [1TC]

Học phần góp phần hình thành và phát triển cho sinh viên ngành Giáo dục thể chất các kĩ năng dạy học Giáo dục thể chất, các năng lực ứng xử với giáo viên và giao tiếp với học sinh, năng lực giải quyết các tình huống thực tế trong giờ học ở trường trung học phổ thông.

2.6.48. [1120066], [Thực tập sư phạm 2], [5TC]

Điều kiên tiên quyết: **Thực tập sư phạm 1**

Học phần góp phần hình thành và phát triển cho sinh viên ngành Giáo dục thể chất các kĩ năng dạy học Giáo dục thể chất, thực hiện năng lực ứng xử với giáo viên và giao tiếp với học sinh, năng lực giải quyết các tình huống thực tế được trải nghiệm trong giờ học ở trường trung học phổ thông.

2.6.49. [1120206], [Khóa luận tốt nghiệp], [6TC]

Sinh viên tiến hành một đề tài nghiên cứu theo chuyên ngành được đào tạo dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên được xét điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp dựa trên kết quả học tập năm thứ 3, tuân thủ đúng qui trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp và hướng dẫn về trình bày. Khóa luận tốt nghiệp được bảo vệ tại Hội đồng. Thông qua việc làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên có cơ hội nghiên cứu sâu về một vấn đề chuyên môn, phát triển khả năng phân tích, tư duy phê phán,... Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức hóa học đã học để hoàn thành đề tài nghiên cứu đã chọn.

2.6.50.[1120260], [Phương pháp xây dựng kế hoạch dạy học GDTC], [2TC]

Học phần học trước: **Thực tập sư phạm 1**

Nội dung học phần gồm 4 chương: Trong đó, chương 1 bàn về những vấn đề cơ bản của chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông – ban hành năm 2018. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của cách thức xây dựng kế hoạch giáo dục thể chất trong trường phổ thông theo mục tiêu của chuyên đề/môn học (học phần thay thế khóa luận

tốt nghiệp). Cụ thể các vấn đề, hệ vấn đề như: phương pháp xây dựng kế hoạch dạy học môn GDTC trong trường phổ thông; phương pháp xây dựng kế hoạch dạy học chủ đề, bài học theo kế hoạch dạy học môn GDTC trong trường phổ thông; phương pháp xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn GDTC theo kế hoạch dạy học môn học trong trường phổ thông.

2.6.51. [1120261], [Phương pháp Tổ chức dạy học môn GDTC], [2TC]

Học phần học trước: **Thực tập sư phạm 1**

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận GDTC trong trường phổ thông, các phương pháp giảng dạy Giáo dục thể chất thường được sử dụng cho học sinh, nắm bắt được đặc điểm tâm, sinh lý học sinh phổ thông. Hướng dẫn người học xây dựng kế hoạch môn học, kế hoạch bài dạy, phương pháp giáo dục tố chất thể lực để tổ chức dạy học môn Giáo dục thể chất, giúp người học vận dụng được lý luận - phương pháp vào thực tiễn công tác giảng dạy trong trường học phổ thông. Hình thành niềm tin và tình yêu nghề nghiệp cho sinh viên.

2.6.52. [1120262], [Phương pháp Kiểm tra, đánh giá trong môn học GDTC], [2TC]

Học phần học trước: **Thực tập sư phạm 1**

Học phần trang bị cho sinh viên Giới thiệu tổng quan về đánh giá trong giáo dục, một số khái niệm về đo lường, đánh giá định lượng, định tính... tiếp cận một số xu hướng hiện đại về kiểm tra đánh giá về kỹ năng, phẩm chất năng lực.... một số mô hình kiểm tra đánh giá tiên tiến trên thế giới. Hướng dẫn sử dụng được các hình thức đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ, các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trong dạy học môn GDTC.

Khi hoàn thành chương trình học, sinh viên có thể xây dựng được các công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu, nội dung cần đánh giá cho chương trình môn học GDTC. Áp dụng các hình thức, phương pháp và các công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp trong môn học giáo dục thể chất.

Gia Lai, ngày 1 *tháng* 8 *năm 2025*

TRƯỞNG KHOA	TP. ĐÀO TẠO	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Nguyễn Sỹ Đức	TS. Lê Xuân Vinh	TS. Đinh Anh Tuấn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN